TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2024/QĐST- HNGĐ	*K, ngày 03 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH H

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ Việc dân sự thụ lý số 15/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1/ Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Đỗ Ngọc A, sinh năm: 1998

Nơi đăng ký HKTT: thôn P, xã T1, huyện K, tỉnh H.

Nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh H.

- Anh Lê Đình T, sinh năm 1996

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: thôn P, xã T1, huyện K, tỉnh H.

2/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cháu Lê Nhật N, sinh ngày 07/3/2018

Người đại diện theo pháp luật của cháu N là chị Đỗ Ngọc A và anh Lê Đình T (bố, mẹ của cháu N)

Đều có nơi đăng ký HKTT: thôn P, xã T1, huyện K, tỉnh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Ngọc A và anh Lê Đình T kết hôn với nhau trên cơ sở hai bên đều tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T1 huyện K, tỉnh H vào ngày 26/12/2017. Quá trình chung sống, vợ chồng anh, chị đã xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trở nên trầm trọng. Kể từ đầu năm 2020 đến nay, vợ chồng sống ly thân nhau, hai bên không còn tình cảm và không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay cả hai bên cùng xác định mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, thể hiện đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị A và anh T cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung là phù hợp với các quy định của pháp luật. Do vậy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị A và anh T.

[2] Về con chung: Chị A và anh T có 01 con chung tên là Lê Nhật N, sinh ngày 07/3/2018, hiện tại đang ở với chị A. Chị A và anh T thỏa thuận để chị A tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu N đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị A và anh T không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Sự thỏa thuận về nuôi con sau ly hôn của chị A và anh T là tự nguyện phù hợp với các quy định của pháp luật nên Tòa án công nhận.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức và ruộng canh tác: Chị A và anh T đều không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về lệ phí: Chị A và anh T thỏa thuận để chị A chịu toàn bộ và nộp theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Ngọc A và anh Lê Đình T.

- Về con chung: Chị A tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Lê Nhật N, sinh ngày 07/3/2018 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản; được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về các vấn đề khác: Tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất 03, công sức đối với gia đình hai bên nội, ngoại đều không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị A tự nguyện nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu

tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001184 ngày 20/3/2024. Chị A đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện K;
- UBND xã T1;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc T2